

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2011.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 2, Sùng Yên, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau:

Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Sản xuất mua bán than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Khai thác, chế biến khoáng sản (đá, quặng, than, cát, đất sét, cao lanh); Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông, xi măng và vật liệu xây dựng; Mua bán hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói, đồ điện, điện tử, điện lạnh, máy và thiết bị văn phòng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô và bằng tàu thủy; Xây dựng công trình: công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng; xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220kw; xây dựng hệ thống cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng công trình; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng; Gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng; Đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Mua bán phụ tùng máy tuyền, máy sấy, hóa chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng; Mua bán phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng. Tư vấn, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ: xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000VND (Chín mươi tỷ đồng).

Danh sách Công ty Con:

<i>Tên Doanh nghiệp</i>	<i>Vốn điều lệ đã góp</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Vốn góp thực tế của Công ty tại</i>
Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	15,530,000,000	61.82%	9,600,000,000

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Kiều Văn Mát	Chủ tịch HĐQT
Ông Kiều Quang Vọng	Ủy viên HĐQT
Ông Đỗ Dũng	Ủy viên HĐQT
Ông Hoàng Hữu Tâm	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Hồng Quyền	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Công Hưng	Ủy viên HĐQT
Ông Vũ Đình Dũng	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Kiều Văn Mát	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Quang Vọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đình Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tử Chung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đình Tuấn	Trưởng ban
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên
Ông Đỗ Thị Minh Ngọc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của UBCK Nhà nước và của Bộ Tài chính đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 cho Công ty.

CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, 01 (một) Công ty con nên Báo cáo tài chính hợp nhất cần được đọc kèm các Báo cáo tài chính của Công ty con.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2011 trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty.

Hải Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2012.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kiều Văn Mát



Số: 1536/BCKT-TC/NV5

CÔNG TY TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM

Viet Nam Auditing And Accounting Consultancy Co.,Ltd (AVA)
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TƯ VẤN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường lập ngày 26 tháng 3 năm 2012 gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 23 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

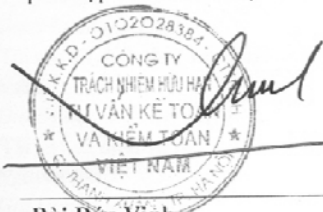
Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo

chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã tiếp nhận việc kiểm tra phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Bùi Đức Vinh
Phó Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0654/KTV

Thay mặt và đại diện cho
**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)**
Hà Nội, Ngày 30 tháng 3 năm 2012



Nguyễn Việt Long
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0692/KTV

Trụ sở: 160 Phương Liệt - Thanh Xuân- Hà Nội - Việt Nam
Tel: (84.4) 3868 9566 - 3868 9588 * Fax: (84.4) 3868 6248
Email: ava@kiemtoanava.com.vn * Web:kiemtoanava.com.vn

Văn phòng khu vực miền Trung:
Số 23 Mai Hắc Đế - TP. Vinh - Nghệ An
Tel: (84-38) 3541 046 * Fax: (84-38) 3541 046

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72,570,165,055	69,075,919,427
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9,536,145,601	16,615,662,112
1. Tiền	111	V.01	9,536,145,601	16,615,662,112
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
III. Các khoản phải thu	130		30,998,169,125	19,642,426,214
1. Phải thu của khách hàng	131		27,977,939,946	18,289,919,255
2. Trả trước cho người bán	132		2,082,932,630	1,349,191,751
4. Phải thu theo tiến độ HDXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.02	937,296,549	3,315,208
IV. Hàng tồn kho	140		31,172,373,695	22,537,893,765

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

1. Hàng tồn kho			31,172,373,695	22,537,893,765
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		863,476,634	10,279,937,336
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		245,344,503	2,721,140,187
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		575,737,281	7,368,136,748
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	-	279,551
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	42,394,850	190,380,850
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		201,310,097,035	150,392,058,850
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
II. Tài sản cố định	220		200,526,387,554	149,642,492,456
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	39,402,916,975	48,856,356,056
- Nguyên giá	222		65,835,294,160	69,523,618,738
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(26,432,377,185)	(20,667,262,682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	3,736,558,911	4,026,932,991
- Nguyên giá	228		4,822,037,187	4,822,037,187
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1,085,478,276)	(795,104,196)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	157,386,911,668	96,759,203,409
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		783,709,481	749,566,394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	783,709,481	749,566,394
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN

270

273,880,262,090

219,467,978,277

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		145,739,598,383	74,705,649,996
I. Nợ ngắn hạn	310		68,862,783,262	29,245,640,939
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	20,259,824,870	5,200,248,910
2. Phải trả người bán	312		10,371,897,215	9,903,145,402
3. Người mua trả tiền trước	313		135,212,971	1,160,980
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	877,034,198	271,377,720
5. Phải trả công nhân viên	315		4,104,864,331	2,895,682,452
6. Chi phí phải trả	316	V.12	185,850,000	44,476,923
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	29,298,360,659	7,981,630,301
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3,629,739,018	2,947,918,251
II. Nợ dài hạn	330		76,876,815,121	45,460,009,057
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	76,865,840,224	45,449,034,160
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10,974,897	10,974,897
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		122,211,293,313	140,898,137,646
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	122,211,293,313	140,898,137,646
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90,000,000,000	90,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,913,000,000	4,913,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1,164,165,274
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17,925,073,346	15,152,324,444
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,767,970,610	2,403,275,906
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5,605,249,357	27,265,372,022
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ xếp hạng doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		5,929,370,394	3,864,190,635
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	600		273,880,262,090	219,467,978,277

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		-	-
- <i>Tài sản cố định nhận giữ hộ</i>			-	-
- <i>Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ</i>			-	-
- <i>Công nợ khó đòi nhận giữ hộ</i>			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	007		-	-
- <i>USD</i>			-	-
- <i>EUR</i>			-	-
- <i>JPY</i>			-	-
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hải Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2011

Mã số	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Năm 2011
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16	73,846,154,718
2.	Các khoản giảm trừ	02		-
3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.17	73,846,154,718
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.18	52,290,023,661
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21,556,131,057
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.19	511,245,869
7.	Chi phí tài chính	22	VI.20	5,723,564,681
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,938,243,129
8.	Chi phí bán hàng	24		5,589,516,176
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,627,425,523
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6,126,870,546
11.	Thu nhập khác	31		578,921,137
12.	Chi phí khác	32		1,056,840,516
13.	Lợi nhuận khác	40		(477,919,379)
14.	Phần lợi nhuận lãi lỗ trong công ty liên kết	50		-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		5,648,951,167
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		-
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	70		5,648,951,167
18.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		16,297,973
18.2	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	72		5,632,653,194
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	73	VI.15.5	626

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hải Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Ngọc Hồi

Phạm Văn Thanh

Kiều Văn Mát

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2011

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Năm 2011</u>
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	82,638,142,867
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(45,743,653,858)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(17,212,860,501)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2,938,243,129)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(265,288,190)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11,048,095,016
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5,466,527,796)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22,059,664,409
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(72,582,171,987)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài	22	460,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	510,684,483
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(71,611,487,504)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ	32	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	69,167,072,450
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(26,640,177,252)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(55,150,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	42,471,745,198
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7,080,077,897)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	16,615,662,112
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	561,386
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	9,536,145,601

Hải Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

c H i

Phạm Văn Thanh

Kiều Văn Mát

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2011, vốn điều lệ của Công ty là 90.000.000.000VND (Chín mươi tỷ đồng).

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 2, Sùng Yên, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương. Cơ cấu tổ chức của Công ty được sắp xếp như sau:

Công ty mẹ

- Công ty cổ phần Sông Đà Cao Cường

Công ty con do Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường đầu tư nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối

- Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần với mã số doanh nghiệp 0201121251 đăng ký lần đầu ngày 13/10/2010, Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ có số vốn điều lệ là 41,50 tỷ đồng (Danh sách cổ đông sáng lập gồm Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường có tỷ lệ góp vốn 63,86% tương ứng 26,5 tỷ đồng, Công ty TNHH Một Thành viên DAP - VINACHEM có tỷ lệ góp vốn 12,05% tương ứng 5 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Minh Loan góp vốn 24,1% tương ứng 10 tỷ đồng).

<u>Tên Doanh nghiệp</u>	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Vốn góp thực tế của Công ty tại 30/06/2011</u>
Công ty cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	15,530,000,000	61,82%	9,600,000,000

2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0800376530 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu như sau:

Khai thác, sản xuất, kinh doanh phụ gia dùng cho công tác bê tông và xi măng (tro bay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại); Sản xuất mua bán than hoạt tính, than tổ ong, dầu thông, dầu tuyền, dầu diezen, dầu FO; Khai thác, chế biến khoáng sản (đá, quặng, than, cát, đất sét, cao lanh); Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; Nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất phụ gia dùng cho công tác bê tông, xi măng và vật liệu xây dựng; Mua bán hàng công nghệ phẩm, thực phẩm, thực phẩm chế biến đóng gói, đồ điện, điện tử, điện lạnh, máy và thiết bị văn phòng; Vận tải hàng hóa bằng ô tô và bằng tàu thủy; Xây dựng công trình: công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng; xây dựng đường dây và trạm biến áp đến 220kw; xây dựng hệ thống cấp thoát nước dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng công trình; Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ ngành xây dựng; Gia công cơ khí phi tiêu chuẩn và kết cấu thép trong xây dựng; Đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh điện của nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Mua bán phụ tùng máy tuyền, máy sấy, hóa chất phục vụ sản xuất cho công tác phụ gia bê tông và xi măng; Mua bán phụ gia dùng cho bê tông và xi măng, vật liệu xây dựng. Tư vấn, thiết kế, chế tạo, chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghệ: xử lý môi trường, sản xuất vật liệu xây dựng.

3. Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty phản ánh toàn bộ tình hình tài chính, kết quả kinh doanh liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp được sử dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

<u>Tên Doanh nghiệp</u>	<u>Quan hệ</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	Công ty mẹ	Số 2 Sùng Yên, Phả Lại, Chí Linh, Hải Dương
Công ty CP Thạch Cao Đình Vũ	Công ty mẹ	Lô GI-7, KKT Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Hải Phòng

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo phương pháp vốn chủ sở hữu;

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm các báo cáo kế toán của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường và các Đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực, trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các Đơn vị thành viên sẽ hợp nhất từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát;

Giá trị hợp lý tài sản thuần của Công ty con tại ngày mua được xác định theo giá trị sổ kế toán;

2. Cơ sở hạch toán kế toán và nguyên tắc định giá

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập dựa trên nguyên tắc kế toán dồn tích và được ghi sổ theo nguyên tắc giá phí.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán;

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết dư trên Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, đầu năm sau ghi ngược lại để xóa sổ dư;

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được coi là tương đương tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá vốn trong kỳ được xác định bằng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ cộng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao áp dụng phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó;

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trừ khi:

- Khoản đầu tư này dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- Công ty liên kết hoạt động theo các quy định hạn chế khắt khe dài hạn làm cản trở đáng kể việc chuyển giao vốn cho nhà đầu tư.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư có thể bao gồm những khoản phát sinh từ việc đánh giá lại TSCĐ và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và những điều chỉnh các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư hạch toán trên sổ kế toán thấp hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011 nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tiền lương

Quỹ dự phòng tiền lương được trích lập để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề nhằm bảo đảm việc trả lương không bị gián đoạn và không sử dụng vào mục đích khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác biếu, tặng sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng và khoản bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh;

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, công nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất được kết dư trên Tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái, sang đầu kỳ kế toán tiếp theo ghi bút toán ngược lại để xóa sổ dư;

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ hoặc số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Theo Công văn số 2660/CV-TTHT ngày 31/12/2007 của Cục thuế tỉnh Hải Dương về việc trả lời chính sách thuế thì “Công ty Cổ phần Sông Đà 12 – Cao Cường mới được thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo; được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động”. Năm 2011 là năm thứ 4 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	5,953,249,000	3,897,220,000

CÔNG TY CỔ PHẦN SỐNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

Tiền gửi ngân hàng	3,582,896,601	12,718,442,112
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	9,536,145,601	16,615,662,112

2 . Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Phải trả khác dư nợ	-	675,400
Phải thu khác	937,296,549	2,639,808
Cộng	937,296,549	3,315,208

3 . Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	7,108,942,336	3,843,951,443
Công cụ, dụng cụ	147,220,052	25,879,181
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,324,870,915	1,051,339,489
Thành phẩm	20,003,406,910	17,607,099,094
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	1,587,933,482	9,624,558
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Cộng	31,172,373,695	22,537,893,765

4 . Thuế và các khoản phải thu của nhà nước	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	279,551
Thuế xuất nhập khẩu	-	-
Cộng	-	279,551

5 . Tài sản ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	42,394,850	190,380,850
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-
Cộng	42,394,850	190,380,850

6 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (*)					
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Tại ngày 01/01/2011	17,854,473,327	42,091,409,965	9,327,868,655	249,866,791	69,523,618,738
Số tăng trong năm	-	3,221,560,282	-	36,490,000	3,258,050,282
- Mua trong năm	-	3,221,560,282	-	36,490,000	3,258,050,282
- Mua lại TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	(1,865,329,212)	(5,081,045,648)	-	-	(6,946,374,860)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5,081,045,648)	-	-	(5,081,045,648)
- Giảm khác	(1,865,329,212)	-	-	-	(1,865,329,212)
Tại ngày 31/12/2011	15,989,144,115	40,231,924,599	9,327,868,655	286,356,791	65,835,294,160
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2011	4,472,423,517	14,719,143,697	1,355,865,926	119,829,542	20,667,262,682
Số tăng trong năm	1,580,344,176	5,832,069,596	1,164,329,736	54,820,796	8,631,564,304
- Khấu hao trong năm	1,580,344,176	5,832,069,596	1,164,329,736	54,820,796	8,631,564,304
- Mua lại TSCĐ thuê TC	-	-	-	-	-
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

Số giảm trong năm	(559,598,760)	(2,306,851,041)	-	-	(2,866,449,801)
- Thanh lý, nhượng bán		(2,306,851,041)	-		(2,306,851,041)
- Giảm khác	(559,598,760)	-	-	-	(559,598,760)
Tại ngày 31/12/2011	5,493,168,933	18,244,362,252	2,520,195,662	174,650,338	26,432,377,185
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2011	13,382,049,810	27,372,266,268	7,972,002,729	130,037,249	48,856,356,056
Tại ngày 31/12/2011	10,495,975,182	21,987,562,347	6,807,672,993	111,706,453	39,402,916,975

7 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

#REF!

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Tại ngày 01/01/2011	1,500,000,000	3,322,037,187	4,822,037,187
Số tăng trong năm	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	1,500,000,000	3,322,037,187	4,822,037,187
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	136,494,220	658,609,976	795,104,196
Số tăng trong năm	60,000,000	230,374,080	290,374,080
- Khấu hao trong năm	60,000,000	230,374,080	290,374,080
- Tăng khác	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	196,494,220	888,984,056	1,085,478,276
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	1,363,505,780	2,663,427,211	4,026,932,991
Tại ngày 31/12/2011	1,303,505,780	2,433,053,131	3,736,558,911

8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31/12/2011 VND	Ngày 01/01/2011 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	157,386,911,668	96,759,203,409
- Chi phí xây dựng Nhà máy Gạch	146,818,718,027	96,503,245,100
- Chi phí sửa chữa Nhà máy tro bay Phả Lại	4,532,676,301	
- CP XD CB (tại Công ty CP Thạch cao Đình Vũ)	6,035,517,340	255,958,309
Cộng	157,386,911,668	96,759,203,409

9 . Chi phí trả trước dài hạn

	Ngày 31/12/2011 VND	Ngày 01/01/2011 VND
Văn phòng Công ty	495,113,057	529,651,573
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	495,113,057	529,651,573
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Công ty Cổ phần Thạch cao Đình Vũ	288,596,424	219,914,821
- Công cụ dụng cụ - Văn phòng Chi nhánh	288,596,424	219,914,821
Cộng	783,709,481	749,566,394

10 . Vay và nợ ngắn hạn

	Ngày 31/12/2011 VND	Ngày 01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	20,259,824,870	5,200,248,910
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank - CN Hải Dương	20,259,824,870	5,200,248,910
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

Cộng		20,259,824,870	5,200,248,910
(*) Bao gồm:			
Khoản vay ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 110339/NHNTTHD			
Khoản vay ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 110216/NHNTTHD			
Khoản vay ngân hàng Vietcombank - Chi nhánh Hải Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 110187/NHNTTHD			
11 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011	
	VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	862,025,615	-	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	265,288,190	
Thuế thu nhập cá nhân	15,008,583	6,089,530	
Thuế tài nguyên	-	-	
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	-	
Các loại thuế khác	-	-	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	
Cộng	877,034,198	271,377,720	
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối			
12 . Chi phí phải trả	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011	
	VND	VND	
Công ty Cổ phần Thạch Cao Đình Vũ	185,850,000	44,476,923	
- Trích trước chi phí Ban Điều Hành	185,850,000	44,476,923	
Cộng	185,850,000	44,476,923	
13 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011	
	VND	VND	
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-	
Kinh phí công đoàn	142,516,243	121,267,409	
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	150,884,016	5,393,492	
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	29,004,960,400	7,854,969,400	
Cộng	29,298,360,659	7,981,630,301	
(*) Trong đó, cổ tức phải trả là 20.934.960.400 VND;			
14 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011	
	VND	VND	
14.1. Vay dài hạn	76,865,840,224	45,449,034,160	
Văn phòng Tổng Công ty (*)	76,865,840,224	45,449,034,160	
- Ngân hàng Vietcombank - CN Hải Dương (VND)	32,475,112,369	6,165,665,771	
- Ngân hàng Vietcombank - CN Hải Dương (USD)	44,390,727,855	39,283,368,389	
14.2. Nợ dài hạn	-	-	
Cộng	76,865,840,224	45,449,034,160	
(*) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương. Thời hạn cho vay 72 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn 15%/năm với khoản vay VND và 7%/năm với khoản vay USD, lãi suất có thể điều chỉnh theo thị trường. Mục đích vay: Đầu tư dự án Nhà máy sản xuất gạch nhẹ chung áp AAC. Tài sản thế chấp: Toàn bộ tài sản hình thành sau dự án và tài sản từ nhà máy sản xuất chế biến tro bay.			
15 . Vốn chủ sở hữu			
15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (PL số 01)			
15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu			
	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011	
	VND	VND	
-Công ty Cổ phần Sông Đà 12	5,345,000,000	5,345,000,000	
-Công ty Cổ phần Công nghiệp Dịch vụ Cao Cường	13,300,000,000	13,300,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

-Công ty Cổ phần LICOGI 16.6	8,900,000,000	8,900,000,000
Vốn góp các cổ đông khác	62,455,000,000	62,455,000,000
Cộng	90,000,000,000	90,000,000,000

15.3. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	90,000,000,000	60,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	30,000,000,000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	90,000,000,000	90,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.4. Cổ phiếu

	Ngày 31/12/2011	Ngày 01/01/2011
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,000,000	9,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9,000,000	9,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9,000,000</i>	<i>9,000,000</i>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,000,000	9,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9,000,000</i>	<i>9,000,000</i>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

15.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,632,653,194
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán để xác định LN	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-
+ LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5,632,653,194
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9,000,000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	626

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**16 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	73,846,154,718
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	-
Cộng	73,846,154,718

17 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 #REF!
Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	73,846,154,718
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-
Cộng	73,846,154,718

18 . Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	52,290,023,661
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-
Cộng	52,290,023,661

19 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND
--	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ CAO CƯỜNG

Đ/c: Số 2 Sùng Yên, Phả Lại

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	511,245,869
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-
Cộng	511,245,869
20 . Chi phí tài chính	Năm 2011
	VND
Lãi tiền vay	5,723,564,681
Chi phí tài chính khác	-
Cộng	5,723,564,681
21 . Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2011
	VND
Thuế TNDN phải nộp của Công ty Con	-
Chi phí tài chính khác	-
Cộng	-

VIII. THÔNG TIN SO SÁNH

Năm tài chính 2011 là năm kế toán đầu tiên Công ty Hợp nhất Báo cáo tài chính. Do vậy số liệu so sánh chỉ có số liệu trên Bảng Cân đối kế toán.

Người lập biểu**Kế toán trưởng**Hải Dương, ngày 26 tháng 03 năm 2012
Tổng Giám đốc**Đỗ Thị Ngọc Hồi****Phạm Văn Thanh****Kiều Văn Mát**